

Số: /2021/NQ-HĐND

Đồng Tháp, ngày tháng 8 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định một số chính sách khuyến khích
các tổ chức kinh tế đầu tư vào hoạt động khoa học và công nghệ
trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ HAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12 tháng 6 năm 2017;

*Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa
học và Công nghệ;*

*Căn cứ Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;*

*Căn cứ Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của
Chính phủ quy định hướng dẫn chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của
Luật Chuyển giao công nghệ;*

*Thực hiện Quyết định số 1322/QĐ-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Thủ
tướng Chính phủ phê duyệt chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao
năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030;*

*Xét Tờ trình số 13/TTr-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban
nhân dân Tỉnh về việc ban hành Nghị quyết Ban hành quy định một số chính
sách khuyến khích các tổ chức kinh tế đầu tư vào hoạt động khoa học và công
nghệ trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; Báo cáo thẩm tra số 171/BC-HĐND ngày 05
tháng 8 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân Tỉnh; ý kiến
thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số chính sách khuyến khích các tổ chức kinh tế đầu tư vào hoạt động khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân Tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân Tỉnh giám sát việc thực hiện quy định này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Tỉnh Khóa X, Kỳ họp thứ hai thông qua ngày 17 tháng 8 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 27 tháng 8 năm 2021./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Ban Công tác Đại biểu;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT/TU, TT/UBND, UBND, UBMTTQVN Tỉnh;
- Đoàn ĐBQH Tỉnh;
- Các Sở, Ban, Ngành, Tỉnh;
- TT/HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Công báo Tỉnh; Cổng thông tin điện tử Tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.

CHỦ TỊCH**Phan Văn Thắng**

QUY ĐỊNH
MỘT SỐ CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH CÁC TỔ CHỨC KINH TẾ
ĐẦU TƯ VÀO HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG THÁP

*(Kèm theo Nghị quyết số 44/2021/NQ-HĐND
ngày 17 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp)*

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Các hoạt động khoa học và công nghệ khuyến khích thực hiện theo quy định này bao gồm: hoạt động liên quan đến sở hữu trí tuệ; đổi mới, chuyển giao công nghệ; tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các tổ chức kinh tế có đăng ký kinh doanh, đầu tư theo quy định của pháp luật thuộc các loại hình như sau:

- a) Doanh nghiệp tư nhân;
- b) Công ty trách nhiệm hữu hạn (Công ty TNHH);
- c) Công ty cổ phần;
- d) Công ty hợp danh;
- e) Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã;
- g) Hộ kinh doanh cá thể; Tổ hợp tác;

Các tổ chức kinh tế nêu trên sau đây gọi tắt là “cơ sở”.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thực hiện chính sách khuyến khích các tổ chức kinh tế đầu tư vào hoạt động khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Việc hỗ trợ theo quy định này đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, bình đẳng.

2. Đảm bảo hỗ trợ đúng nội dung, đối tượng và phát huy hiệu quả.

3. Đối với cùng một nội dung, nếu có các mức ưu đãi, hỗ trợ khác nhau tại các chính sách khác của Tỉnh thì cơ sở được lựa chọn áp dụng mức ưu đãi, hỗ trợ có lợi nhất.

4. Nhà nước hỗ trợ sau đầu tư theo nội dung và định mức được quy định tại Nghị quyết này.

Chương II

NỘI DUNG VÀ ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ

Điều 4. Hỗ trợ hoạt động phát triển sở hữu trí tuệ

1. Hỗ trợ chi phí thiết kế nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp (việc hỗ trợ căn cứ vào khả năng đăng ký xác lập quyền thông qua kết quả tra cứu chuyên sâu tại Cục Sở hữu trí tuệ).

a) Hỗ trợ chi phí thiết kế nhãn hiệu thông thường (hỗ trợ tối đa 05 nhãn hiệu/ cơ sở): không quá 05 triệu đồng/ nhãn hiệu;

Hỗ trợ chi phí thiết kế nhãn hiệu tập thể (hỗ trợ tối đa 03 nhãn hiệu/cơ sở): không quá 10 triệu đồng/ nhãn hiệu.

b) Hỗ trợ chi phí thiết kế kiểu dáng công nghiệp: không quá 10 triệu đồng/ kiểu dáng.

2. Hỗ trợ chi phí đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp trong và ngoài nước, bao gồm: sáng chế/giải pháp hữu ích, nhãn hiệu thông thường, nhãn hiệu tập thể, kiểu dáng công nghiệp, mạch tích hợp bán dẫn, cụ thể:

a) Đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp trong nước (hỗ trợ tối đa 05 văn bằng/cơ sở):

Đối với sáng chế: không quá 20 triệu đồng/sáng chế;

Đối với giải pháp hữu ích: không quá 15 triệu đồng/giải pháp hữu ích;

Đối với nhãn hiệu thông thường: không quá 05 triệu đồng/nhãn hiệu;

Đối với nhãn hiệu tập thể: 20 triệu đồng/ nhãn hiệu;

Đối với kiểu dáng công nghiệp: 10 triệu đồng/kiểu dáng công nghiệp;

Đối với mạch tích hợp bán dẫn: không quá 10 triệu đồng/mạch tích hợp bán dẫn.

b) Đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp ra nước ngoài (hỗ trợ tối đa 03 văn bằng/cơ sở):

Hỗ trợ trên tổng chi phí không quá 20 triệu đồng/đối tượng sở hữu công nghiệp.

Điều 5. Hỗ trợ hoạt động đổi mới, chuyển giao công nghệ

Hỗ trợ chi phí chuyển giao công nghệ đối với các hợp đồng chuyển giao công nghệ có đăng ký chuyển giao được Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Tháp xác nhận, bao gồm:

1. Chuyển giao công nghệ không kèm máy móc, thiết bị (hỗ trợ cho các nội dung như: chi phí tư vấn, đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật; chuyển giao phương án, quy trình công nghệ; chuyển giao giải pháp, thông số, bản vẽ, sơ đồ kỹ thuật; công thức, phần mềm máy tính, thông tin dữ liệu): 50% giá trị hợp đồng nhưng không quá 100 triệu đồng/ hợp đồng.

2. Chuyển giao công nghệ có kèm máy móc, thiết bị: 50% giá trị hợp đồng nhưng không quá 200 triệu đồng/hợp đồng.

Điều 6. Hỗ trợ các hoạt động về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

1. Hỗ trợ chi phí tham gia và đạt Giải vàng Giải thưởng Chất lượng Quốc gia: không quá 20 triệu đồng/ lượt.

2. Hỗ trợ chi phí tham gia và đạt Giải thưởng Châu Á - Thái Bình Dương: nhưng không quá 30 triệu đồng/ lượt.

3. Hỗ trợ chi phí xây dựng và áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc: 50% giá trị hợp đồng nhưng không quá 50 triệu đồng/ hợp đồng/hệ thống.

4. Hỗ trợ chi phí xây dựng và áp dụng (bao gồm chi phí tư vấn và chứng nhận lần đầu) các hệ thống quản lý tiên tiến:

Xây dựng và áp dụng đơn lẻ hoặc tích hợp các hệ thống quản lý tiên tiến theo các tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 14000, ISO 22000, ISO 27000, ISO 45000, ISO 50000, GMP, HACCP, ISO/TCVN 17025, SQF, GlobalGAP, LocalGAP, VietGAP, ASC, BAP, HALAL, BRC; tiêu chuẩn quốc gia về nông nghiệp hữu cơ: 50% giá trị hợp đồng nhưng không quá 60 triệu đồng/hợp đồng/tiêu chuẩn.

5. Hỗ trợ chi phí xây dựng và áp dụng các công cụ cải tiến năng suất, chất lượng như: 5S, Kaizen (Cải tiến), Lean (tinh gọn), Six Sigma (Sáu sigma), TPM (Bảo trì năng suất tổng thể), KPIs (Hệ thống đo lường và đánh giá hiệu quả công việc), MFCAs (Hạch toán chi phí dòng nguyên liệu), BSC (Hệ thống bảng điểm cân bằng): 50% giá trị hợp đồng nhưng không quá 20 triệu đồng/hợp đồng/công cụ.

6. Hỗ trợ chi phí tham gia hội chợ, triển lãm thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ (hội chợ kết nối cung - cầu công nghệ, Techmart, TechFest): hỗ trợ tổng chi phí (bao gồm: thuê gian hàng, thiết kế và vận chuyển sản phẩm), nhưng không quá 20 triệu đồng/ lượt.

Chương III

ĐIỀU KIỆN VÀ KINH PHÍ HỖ TRỢ

Điều 7. Điều kiện hỗ trợ

1. Cơ sở đang hoạt động sản xuất, kinh doanh; không vi phạm các quy định của pháp luật (trong sản xuất, kinh doanh; theo cam kết của cơ sở) trong thời gian ít nhất 24 tháng, tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ.

2. Cơ sở đã hưởng chính sách hỗ trợ tại các quy định khác của Tỉnh trùng với nội dung hỗ trợ tại Nghị quyết này thì không được xem xét hỗ trợ.

3. Trừ những nội dung đã quy định tần suất hỗ trợ cụ thể, đối với từng nội dung, mỗi cơ sở được xem xét hỗ trợ một (01) lần.

4. Cơ sở thực hiện đúng quy định về trình tự, thủ tục, thành phần hồ sơ đề nghị xét hỗ trợ.

Điều 8. Kinh phí hỗ trợ

Từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ được phân bổ hàng năm.

Điều 9. Quản lý kinh phí hỗ trợ

Việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí hỗ trợ phải thực hiện đúng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

**Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH****Điều 10. Tổ chức thực hiện**

1. Thường trực Hội đồng nhân dân Tỉnh, Ủy ban nhân dân Tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân Tỉnh, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quy định này.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu để áp dụng tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản đó./.